

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT

PHÁT TRIỂN QUAN HỆ THƯƠNG MẠI
GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN BANG NGÀ
TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH

Hà Nội - 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT

**PHÁT TRIỂN QUAN HỆ THƯƠNG MẠI
GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN BANG NGÀ
TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 60.34.01

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH

Người hướng dẫn khoa học: TS. PHẠM QUANG VINH

Hà Nội – 2015

MỤC LỤC

Danh mục các ký hiệu viết tắt.....	i
Danh mục các bảng	ii
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUAN HỆ THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM VỚI CÁC NƯỚC TRONG THỜI GIAN QUA	7
1.1. Thương mại quốc tế và phát triển quan hệ thương mại quốc tế	7
1.1.1. Lý thuyết về thương mại quốc tế	7
1.1.2. Vai trò của thương mại quốc tế.....	Error! Bookmark not defined.
1.1.3. Nội dung, hình thức phát triển quan hệ thương mại quốc tế ..	Error! Bookmark not defined.
1.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển quan hệ thương mại quốc tế	Error! Bookmark not defined.
1.3. Quan hệ thương mại của Việt Nam với các nước trong thời gian qua	Error! Bookmark not defined.
1.2.1. Quan hệ thương mại của Việt Nam với các nước sau 20 năm đổi mới (1986-2006).....	Error! Bookmark not defined.
1.2.2. Quan hệ thương mại của Việt Nam với các nước từ năm 2007 đến nay	Error! Bookmark not defined.
1.2.3. Các nhân tố tác động đến sự phát triển quan hệ thương mại của Việt Nam với các nước	Error! Bookmark not defined.
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUAN HỆ THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN BANG NGA.....	Error! Bookmark not defined.
2.1. Quan hệ thương mại Việt Nam và Liên bang Nga giai đoạn 1991 – 1999	Error! Bookmark not defined.

2.2. Quan hệ thương mại Việt Nam và Liên bang Nga từ năm 2000 đến nay	Error! Bookmark not defined.
2.2.1. Tiền đề phát triển quan thương mại Việt –Nga.....	Error! Bookmark not defined.
2.2.2 Quan hệ thương mại Việt –Nga giai đoạn 2000 – 2005	Error! Bookmark not defined.
2.2.3. Quan hệ thương mại Việt –Nga giai đoạn 2006 đến nay.....	Error! Bookmark not defined.
2.3. Những thành tựu đã đạt được trong quan hệ thương mại Việt Nam và Liên bang Nga.....	Error! Bookmark not defined.
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN QUAN HỆ THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN BANG NGA TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ.....	Error! Bookmark not defined.
3.1. Triển vọng phát triển quan hệ thương mại Việt Nam và Liên bang Nga	Error! Bookmark not defined.
3.2. Các giải pháp phát triển quan hệ thương mại Việt Nam và Liên bang Nga trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế .	Error! Bookmark not defined.
3.2.1. Về phía Nhà nước	Error! Bookmark not defined.
3.2.2. Về phía doanh nghiệp.....	Error! Bookmark not defined.
KẾT LUẬN	Error! Bookmark not defined.
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	11

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Tiếng Anh	Nguyên nghĩa
	AFTA	Asean Free Trade Area	Khu vực Mậu dịch tự do Asean
	ASEAN	Association of South East Asian Nations	Hiệp hội các nước Đông Nam Á
	BIDV	Bank for Investment and Development of Vietnam	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
	COC	Code of Conduct	Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông
	DOC	Declaration on Conduct of the Parties in the Bien Dong Sea	Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông
	EU	European Union	Liên minh Châu Âu
	GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc dân
	SNG	Sodruzhestvo Nezavisimykh Gosudarstr	Cộng đồng các quốc gia độc lập
	SPS	Sanitary and Phytosanitary Measure	Biện pháp kiểm dịch động thực vật
	TBT	Technical Barriers to Trade	Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (hay Các rào cản kỹ thuật trong thương mại)
	USD	United States Dollar	Đô la Mỹ
	VRB	Vietnam – Russia Joint Venture Bank	Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga
	VRBC	Vietnam – Russia Business Council	Hội đồng doanh nghiệp Việt - Nga
	VTB	Vneshe Torg Bank	Ngân hàng Ngoại thương Nga
	WTO	World Trade Organisation	Tổ chức Thương mại Thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

STT	Bảng	Nội dung	Trang
	Bảng 2.1	Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt – Nga giai đoạn 1992-1999	56
	Bảng 2.2	Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt – Nga giai đoạn 2000-2005	57
	Bảng 2.3	Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ Nga giai đoạn 2002-2005	59
	Bảng 2.4	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu từ Nga giai đoạn 2002-2005	61
	Bảng 2.5	Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt – Nga giai đoạn 2006-2014	65
	Bảng 2.6	Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ Nga giai đoạn 2006-2010	67
	Bảng 2.7	Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ Nga giai đoạn 2011-2014	68
	Bảng 2.8	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu sang Nga giai đoạn 2006-2010	69
	Bảng 2.9	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu từ Nga giai đoạn 2011-2014	70

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới là một nhu cầu khách quan đối với bất cứ quốc gia nào trên con đường phát triển. Chính vì vậy, từ khi đổi mới nền kinh tế đến nay Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương tăng cường hợp tác kinh tế thương mại với tất cả các quốc gia trên thế giới trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

Liên Xô trước đây trong những thập niên của thế kỷ trước, vốn là thị trường chính, có quan hệ kinh tế - thương mại truyền thống, lâu đời với Việt Nam. Khi đó, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên Xô đóng vai trò quan trọng trong công cuộc bảo vệ, kiến thiết đất nước và phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, từ khi Liên Xô tan rã (1990), Liên bang Nga đã kế thừa các quan hệ kinh tế - thương mại với Việt Nam và gặp rất nhiều khó khăn trong việc phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước. Trao đổi hàng hóa hai chiều giữa hai nước giảm sút mạnh, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam mất khả năng cạnh tranh trên thị trường Liên bang Nga, thị phần bị thu hẹp đáng kể và nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã phải từ bỏ thị trường này do có quá nhiều rủi ro. Trong khi những năm trước đây, trao đổi buôn bán với Nga chiếm tới 60%-70% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam nhưng đến giai đoạn này, chỉ còn chiếm 3% kim ngạch nhập khẩu và 1,5% - 2% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

Trong những năm gần đây, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga đã bước sang một trang mới, từng bước được phục hồi. Do đó, xét về lâu dài, có thể khẳng định rằng Liên bang Nga vẫn là một thị trường rộng lớn, có nhiều tiềm năng để Việt Nam có thể đẩy mạnh xuất nhập khẩu, phát

triển quan hệ thương mại, phát huy được các lợi thế so sánh của mình. Mặt khác, Liên bang Nga cũng là thị trường truyền thống của Việt Nam nên các doanh nghiệp Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi hơn so với thâm nhập vào các thị trường mới khác. Việc Liên bang Nga mở rộng quan hệ kinh tế - thương mại với Việt Nam sẽ tạo điều kiện để nâng cao vị thế và ảnh hưởng của mình tại khu vực Đông Nam Á và tầm nhìn xa hơn là khu vực Châu Á. Chính vì vậy, trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, việc nghiên cứu quá trình và những triển vọng phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng cấp bách, mang tầm chiến lược lâu dài nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước phát triển lên một tầm cao mới. Từ nhận thức đó, tôi xin chọn đề tài “Phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế” làm đề tài luận văn tốt nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong xu thế toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại, quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế được các quốc gia, các chính trị gia, các nhà nghiên cứu khoa học và các chính khách quan tâm sâu sắc. Chính vì thế, việc nghiên cứu về quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga không phải là chủ đề mới và đã có những công trình nghiên cứu song chưa nhiều và đề cập với nhiều cách tiếp cận khác nhau như:

- Vũ Chí Lộc và Nguyễn Thị Mơ (2004), Luận cứ khoa học xây dựng chiến lược đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Châu Âu giai đoạn 2001-2010, đề tài nghiên cứu khoa học độc lập cấp nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Võ Đại Lực và Lê Bộ Lĩnh (2005), Quan hệ Việt – Nga trong bối cảnh quốc tế mới, NXB Thế giới, Hà Nội.

- Nguyễn Quang Thuần (2005), Liên bang Nga trong tiến trình gia nhập WTO, đề tài nghiên cứu cấp bộ, Viện Nghiên cứu Châu Âu, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

- Hà Mỹ Hương (2006), Nước Nga trên trường quốc tế hôm qua, hôm nay và ngày mai, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- Những công trình nghiên cứu đăng trên các tạp chí chuyên ngành như: Nguyễn Quang Thuần (2001), Quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam – Liên bang Nga: đối tác chiến lược trong thế kỷ XXI, Tạp chí nghiên cứu Châu Âu, số 1/2001; Nguyễn Quang Thuần (2002), Vài nét về chiến lược phát triển kinh tế Liên bang Nga trong giai đoạn 2000-2010, Nghiên cứu Châu Âu, số 5/2002; Nguyễn Phúc Khanh (2002), Trang mới trong quan hệ thương mại Việt Nam – Liên bang Nga, Tạp chí Kinh tế đối ngoại, số 1/2002; Phạm Đức Chính (2003), Cải cách kinh tế ở Nga: Giai đoạn mới – triển vọng mới, Nghiên cứu kinh tế, số 7/2003; Nguyễn Văn Tâm (2003), Nước Nga trên đường hội nhập quốc tế, Những vấn đề kinh tế thế giới, số 5/2003; Vũ Chí Lộc (2003), Một số suy nghĩ về khả năng phát triển quan hệ thương mại Việt Nam – Liên bang Nga những năm đầu thế kỷ XXI, Tạp chí Kinh tế đối ngoại, số 5/2003; Vũ Chí Lộc (2003), Nhà nước cần tăng cường hơn nữa cho các doanh nghiệp Việt Nam nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Châu Âu, Tạp chí Kinh tế đối ngoại, số 6/2003; Nguyễn Hồng Sơn (2003), Quan hệ kinh tế Việt – Nga trong bối cảnh quốc tế mới, Nghiên cứu Châu Âu, số 6/2003; Nguyễn Hồng Nhung (2004), Triển vọng phát triển quan hệ hợp tác Việt Nam – Liên bang Nga: những nhân tố tác động, Tạp chí nghiên cứu Châu Âu, số 3/2004; Đỗ Trọng Quang (2007), Sự vươn lên của nước Nga, Tạp chí nghiên cứu Châu Âu; Vũ Dương Huân (2007), Quan hệ đối tác chiến lược Việt – Nga trong tổng thể quan hệ Việt Nam với các nước SNG: Hiện trạng và triển vọng, Tạp chí nghiên cứu Châu Âu, số 4/2007; Phạm Quỳnh

Hương (2010), Quan hệ thương mại song phương Việt – Nga: thực trạng và triển vọng, Tạp chí nghiên cứu Châu Âu, số 1/2010; Hà Mỹ Hương (2010), Quan hệ Việt Nam – Liên bang Nga sau 60 năm thăng trầm của lịch sử, Tạp chí Cộng sản, số 3/2010; Hà Mỹ Hương (2015), Nhìn lại 65 năm quan hệ Việt Nam – Nga, Tạp chí Cộng sản;

Nhìn chung, các công trình trên đã nghiên cứu và phản ánh đa dạng mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên bang Nga trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại, đầu tư, ngân hàng, văn hóa – giáo dục và khoa học – kỹ thuật, quân sự - quốc phòng, du lịch ... trong các thời kỳ khác nhau. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống quá trình phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên Bang Nga kể từ khi hai nước chính thức có quan hệ thương mại đến năm 2014, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt khi hai nước là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Do đó, tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu là “*Phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế*” nhằm tổng hợp và đưa ra được bức tranh toàn cảnh về thực trạng quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga trong thời gian vừa qua và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: Phân tích, đánh giá thực trạng và triển vọng phát triển tương lai cũng như tầm quan trọng của việc phát triển quan hệ thương mại của Việt Nam với Liên bang Nga trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga đến năm 2020.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn quan hệ thương mại của Việt Nam với các nước nói chung và quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga nói riêng trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.
- Phân tích, đánh giá thực trạng quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Trên cơ sở đó rút ra những thành tựu đạt được, tồn tại và nguyên nhân của mối quan hệ này.
- Nhận định và đánh giá những triển vọng phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước đến năm 2020.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là quá trình phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga, trong đó, tập trung vào hoạt động xuất nhập khẩu, các chính sách thương mại của Việt Nam và Liên bang Nga trong việc phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là tập trung đi sâu nghiên cứu quan hệ thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Liên bang Nga trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế; những triển vọng và giải pháp phát triển quan hệ thương mại của hai nước đến năm 2020.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở áp dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp thống kê, phân tích tổng hợp, so sánh và một số phương pháp khác.

6. Những đóng góp của luận văn

- Hệ thống hóa một số lý luận về thương mại quốc tế và khái quát quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đánh giá thực trạng phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, chỉ ra được những thành tựu đạt được, tồn tại và nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước.

- Đề xuất một số giải pháp phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga đến năm 2020.

- Bổ sung nguồn tư liệu cho công tác nghiên cứu, cho các nhà quản lý và hoạt động thực tiễn về quá trình phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga – cùng là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quan hệ thương mại của Việt Nam .

Chương 2: Thực trạng quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga.

Chương 3: Giải pháp phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUAN HỆ THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM

1.1. Thương mại quốc tế và phát triển quan hệ thương mại quốc tế

1.1.1. Lý thuyết về thương mại quốc tế

Sự phát triển của nền văn minh loài người gắn liền với các hoạt động trao đổi, buôn bán, quan hệ trao đổi sản phẩm trong từng bộ tộc, từng bản làng, từng vùng, dần dần được mở rộng ra khỏi phạm vi quốc gia thành quan hệ thương mại quốc tế, đây là sự phát triển tất yếu mang tính khách quan. Trong tác phẩm Tư bản, C.Mác đã định nghĩa thương mại là “ sự mở rộng hoạt động thương mại ra khỏi phạm vi một nước. Đó là lĩnh vực trao đổi hàng hóa trên thị trường thế giới. Thông qua hoạt động thương mại quốc tế, các nước buôn bán những hàng hóa và dịch vụ để thu lợi nhuận”.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, trật tự kinh tế - chính trị của thế giới đã được sắp xếp lại, cùng với sự tiến bộ và phát triển như vũ bão về khoa học, công nghệ đã dẫn đến sự phát triển đa dạng các hình thức quan hệ kinh tế, thương mại giữa các quốc gia. Khái niệm kinh tế đối ngoại đã được các nước có nền kinh tế kế hoạch tập trung sử dụng, “bao gồm các hoạt động khác nhau như ngoại thương, hợp tác quốc tế về đầu tư và thu hút nguồn vốn đầu tư của nước ngoài, hợp tác quốc tế về khoa học-công nghệ và các hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ khác ...”

Khái niệm thương mại quốc tế có nội dung rộng hơn khái niệm ngoại thương, đối tượng của nó không chỉ gồm các hàng hóa hữu hình mà bao gồm cả các dịch vụ liên quan chặt chẽ đến hàng hóa thông thường như dịch vụ kỹ thuật, mua bán phát minh sáng chế, dịch vụ vận tải, thương mại điện tử và các dịch vụ thương mại quốc tế khác.

Năm 1948, GATT được thành lập, khái niệm thương mại quốc tế được sử dụng và gắn liền với nội dung điều chỉnh của GATT, Hiệp định này chủ yếu điều tiết thương mại hàng hóa hữu hình trong bối cảnh mức độ bảo hộ còn cao. Trên cơ sở GATT, vào năm 1995 WTO ra đời theo Hiệp định Marrakesh. WTO hoạt động dựa trên các luật lệ và quy tắc điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực thương mại quốc tế, được hình thành trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản như: thương mại không có sự phân biệt đối xử, chỉ bảo hộ thuế quan và xây dựng một nền tảng ổn định cho thương mại quốc tế; thương mại ngày càng được tự do hóa và thuận lợi hóa theo xu hướng toàn cầu, làm cho các quan hệ thương mại quốc tế không ngừng phát triển, qua đó thúc đẩy tiến trình tự do hóa thương mại trên toàn thế giới. Từ đó đến nay, thương mại quốc tế đã có những bước phát triển mạnh mẽ, mở rộng sang cả lĩnh vực dịch vụ như: ngân hàng, bảo hiểm, vận tải hàng không, vận tải biển, du lịch, xây dựng, tư vấn ... Các loại hình dịch vụ này cùng với lĩnh vực thương mại gắn với đầu tư và quyền sở hữu trí tuệ đã phát triển hết sức nhanh chóng và trở thành bộ phận quan trọng của thương mại quốc tế.

Với sự ra đời của WTO từ 1/1/1995, khái niệm thương mại quốc tế đã được sử dụng rộng rãi. Xét về đặc trưng thì thương mại quốc tế được định nghĩa là việc mua, bán hàng hóa và dịch vụ qua biên giới quốc gia, hay giữa các đối tác có quốc tịch khác nhau. Các định nghĩa này được sử dụng nhiều nhất khi xem xét chức năng của thương mại, vai trò của thương mại như là chiếc cầu nối cùng và cầu về hàng hóa, dịch vụ xét cả về số lượng, chất lượng và thời gian sản xuất. Trong nhiều trường hợp, trao đổi hàng hóa và dịch vụ được đi kèm với việc trao đổi các yếu tố sản xuất như lao động, vốn, nhất là khi đề cập đến thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Trong bối cảnh kinh doanh quốc tế hiện đại, thương mại quốc tế được hiểu là việc mua, bán hàng hóa và dịch vụ giữa các đối tác có các quốc tịch

khác nhau, ranh giới địa lý không còn là tiêu chí duy nhất để xác định hoạt động thương mại quốc tế như trước đây nữa.

Căn cứ vào cách tiếp cận, có thể chia các lý thuyết hiện đại về thương mại quốc tế thành 3 nhóm: lý thuyết dựa trên hiệu suất tăng dần theo quy mô, lý thuyết về khoảng cách công nghệ và lý thuyết vòng đời sản phẩm.

a/ Lý thuyết thương mại dựa trên hiệu suất tăng dần theo quy mô

Hiệu quả kinh tế theo quy mô hay hiệu suất tăng dần theo quy mô là một trong những nguồn gốc quan trọng của thương mại quốc tế. Thông thường, khi sản xuất một loại hàng hóa với quy mô lớn sẽ: Tiết kiệm được nguồn nhân lực và các loại chi phí; sử dụng tối đa công suất máy móc thiết bị; tạo điều kiện tối ưu hóa kế hoạch sản xuất và phân công lao động chuyên môn hóa sâu. Nhờ đó, chất lượng sản phẩm cũng sẽ được nâng lên và giá thành sản phẩm sẽ thấp hơn so với giá thành cùng loại sản phẩm sản xuất ở quy mô nhỏ hơn. Khi quy mô sản xuất lớn tới mức không chỉ thỏa mãn nhu cầu trong nước (về số lượng, chất lượng, giá cả ...) mà còn đáp ứng nhu cầu xuất khẩu, sẽ tạo khả năng nhập khẩu các loại hàng hóa khác phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng trong nước. Theo đó, hiệu quả kinh tế theo quy mô cũng chính là một trong những nguồn gốc của phát triển quan hệ thương mại quốc tế.

Đối với mỗi quốc gia, hiệu quả kinh tế theo quy mô chỉ có thể đạt được khi biết tận dụng triệt để những lợi thế của đất nước và phát triển quan hệ thương mại quốc tế có hiệu quả. Vì nhờ có thương mại quốc tế, từng quốc gia có khả năng và điều kiện tập trung vào sản xuất quy mô lớn những mặt hàng có lợi thế và đem trao đổi với các quốc gia khác để có được những sản phẩm mà mình không có lợi thế khi sản xuất ra chúng.

Khác với cách tiếp cận của các lý thuyết trước, trong mô hình thương mại dựa trên hiệu suất theo quy mô, với tỷ lệ trao đổi quốc tế cũng đúng bằng mức giá tương quan trước khi có ngoại thương và mỗi quốc gia thực hiện

chuyên môn hóa hoàn toàn, nhưng theo hướng chuyên môn hóa không xác định. Đây cũng chính là sự khác biệt giữa thương mại dựa trên hiệu suất theo quy mô và thương mại dựa trên lợi thế so sánh.

b/ Lý thuyết về khoảng cách công nghệ

Lý thuyết về khoảng cách công nghệ được Posner đưa ra vào năm 1961, dựa trên ý tưởng cho rằng công nghệ luôn thay đổi nhờ sự ra đời của các phát minh sáng chế đã tác động đến xuất khẩu của các quốc gia. Sau khi một phát minh ra đời, một sản phẩm mới xuất hiện và trở thành mặt hàng mới mà quốc gia phát minh có lợi thế tuyệt đối tạm thời. Ban đầu, nhà phát minh sản phẩm mới giữ vị trí độc quyền trong sản xuất và sản phẩm được tiêu thụ trên thị trường nội địa. Sau một thời gian, nhu cầu về sản phẩm này xuất hiện ở nước ngoài và sản phẩm bắt đầu được xuất khẩu. Dần dần, các nhà sản xuất nước ngoài sẽ bắt trước công nghệ và sản xuất một cách có hiệu quả hơn sản phẩm đó tại chính quốc gia mình. Khi đó lợi thế so sánh trong sản xuất sản phẩm này lại thuộc về quốc gia khác (không phải là quốc gia phát minh ra công nghệ mới). Còn ở quốc gia phát minh, một sản phẩm mới khác có thể được ra đời và quá trình phát triển sản phẩm có thể lại được lặp lại như trên. Tuy nhiên, trong quá trình này, sản phẩm chỉ được xuất khẩu nếu như thời gian cần thiết để sản phẩm được bắt chước ở nước ngoài dài hơn thời gian xuất hiện nhu cầu về sản phẩm đó từ thị trường nước ngoài.

Lý thuyết này cho phép giải thích hai dạng thương mại:

Thứ nhất, nếu như hai quốc gia có cùng tiềm năng công nghệ vẫn có quan hệ thương mại, vì phát minh sáng chế trong chừng mực nào đó là một quá trình ngẫu nhiên. Vai trò tiên phong của một quốc gia trong lĩnh vực nào đó sẽ được đổi lại bởi vai trò tiên phong của quốc gia kia trong một lĩnh vực khác. Dạng thương mại này thường diễn ra giữa các quốc gia công nghiệp phát triển.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương, 2013. *Kỷ yếu Diễn đàn kinh tế Việt - Nga lần thứ nhất, ngày 16/10/2013*. Hà Nội.
2. Bộ Ngoại giao, 2002. *Việt Nam hội nhập kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa: Vấn đề và giải pháp*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2010. *Báo cáo tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với nền kinh tế sau ba năm Việt Nam gia nhập WTO*. Hà Nội.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế - xã hội quốc gia, 2006. *Các quốc gia và vùng lãnh thổ có quan hệ kinh tế với Việt Nam*. Hà Nội: NXB Thông tấn.
5. Bộ Phát triển kinh tế và ngoại thương Liên Bang Nga, 2005. *Niên giám thống kê*. Hà Nội: NXB Thống kê.
6. Chính phủ, 2001. *Tuyên bố chung về đối tác chiến lược giữa Việt Nam và Liên bang Nga, 1/3/2001*. Hà Nội.
7. Chính phủ, 2011. *Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030, 28/12/2011*. Hà Nội.
8. Chính phủ, 2012. *Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga, 27/2/2012*. Hà Nội.
9. Chính phủ, 2014. *Tuyên bố chung về tiếp tục quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Việt Nam và Liên bang Nga, 26/11/2014*. Hà Nội.
10. Chính phủ, 2014. *Tuyên bố chung kết thúc đàm phán Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan Nga -Belarus-Kazakhstan, 15/12/2014*. Hà Nội.
11. Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan, 2000. *Số liệu thống kê kinh tế của Việt Nam từ 1985-1995*. Hà Nội.

12. Đảng cộng sản Việt Nam, 2011. *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
13. Đảng cộng sản Việt Nam, 2011. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
14. Phan Huy Đường, 2010. *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
15. Học viện Ngoại giao, 2010. *Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến năm 2020*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
16. Học viện Ngoại giao, 2011. *Đường lối chính sách đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn mới*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
17. Vũ Dương Huân, 2007. Quan hệ đối tác chiến lược Việt – Nga trong tổng thể quan hệ Việt Nam với các nước SNG: Hiện trạng và triển vọng. *Tạp chí nghiên cứu Châu Âu*, số 4.
18. Hà Mỹ Hương, 2010. Quan hệ Việt Nam – Liên bang Nga sau 60 năm thăng trầm của lịch sử. *Tạp chí Cộng sản*, số 3.
19. Hà Mỹ Hương, 2015. Nhìn lại 65 năm quan hệ Việt – Nga. *Tạp chí Cộng sản*, số 10.
20. Phạm Quỳnh Hương, 2010. Quan hệ thương mại song phương Việt – Nga: thực trạng và triển vọng. *Tạp chí nghiên cứu Châu Âu*, số 1.
21. Nguyễn Phúc Khanh, 2002. Trang mới trong quan hệ thương mại Việt Nam – Liên Bang Nga. *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*, số 1.
22. Võ Đại Lực và Lê Bộ Lĩnh, 2005. *Quan hệ Việt – Nga trong bối cảnh quốc tế mới*. Hà Nội: NXB Thế giới.
23. Nguyễn Hồng Sơn, 2003. Quan hệ kinh tế Việt – Nga trong bối cảnh quốc tế mới. *Nghiên cứu Châu Âu*, số 6.

24. Nguyễn Chí Tâm, 2009. *Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Liên Bang Nga*. Báo cáo tại Hội thảo xúc tiến đầu tư thương mại Việt Nga, Bộ Công thương.
25. Nguyễn Hữu Thắng, 2014. Kinh tế Liên bang Nga: Hiện trạng và triển vọng. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 12.
26. Nguyễn Quang Thuần, 2001. *Quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam – Liên Bang Nga: đối tác chiến lược trong thế kỷ XXI*. *Tạp chí nghiên cứu Châu Âu*. số 1.
27. Nguyễn Xuân Thiên, 2011. *Giáo trình Thương mại quốc tế*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
28. Thủ tướng Chính phủ, 2011. *Quyết định 2471/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến 2030*. Hà Nội.
29. Trung tâm Tin học và Thống kê, Tổng cục Hải quan, 2005. *Số liệu về tình hình ngoại thương Việt Nam – Liên Bang Nga từ năm 1997 đến 2005*. Hà Nội.
30. Vụ Âu Mỹ - Bộ Thương mại, 1996. *Tình hình thương mại Việt Nam – Liên Bang Nga năm 1996*. Báo cáo, Bộ Thương mại, Hà Nội.